

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi một số điều Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 494/QĐ-UBND ngày 29/01/2024, số 2474/QĐ-UBND ngày 16/7/2025, số 1225/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47; số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026 phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư các Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đối với 05 dự án do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 187/TTr-SXD ngày 29/5/2026 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 5695/SXD-HĐXD ngày 29/5/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là: **921.000.000.000 đồng** (*Chín trăm hai mươi một tỷ đồng*). Trong đó:

Đơn vị: Đồng.

STT	Nội dung chi phí	TMĐT theo Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	TMĐT Điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường GPMB	200.227.000.000	200.227.000.000	0
1.1	Đoạn qua xã Yên Định	200.227.000.000	2.438.584.000	0
1.2	Đoạn qua xã Thiệu Tiến		24.705.192.000	
1.3	Đoạn qua xã Xuân Lập		5.942.020.000	
1.4	Đoạn qua xã Thọ Xuân		28.892.980.000	
1.5	Đoạn qua xã Thọ Long		51.364.180.000	
1.6	Đoạn qua xã Thọ Ngọc		86.884.000.000	
2	Chi phí xây dựng	624.174.646.000	624.174.646.000	0
3	Chi phí QLDA	7.138.288.000	7.138.288.000	0
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	23.857.681.000	23.857.681.000	0
5	Chi phí khác	9.607.204.000	9.607.204.000	0
6	Chi phí dự phòng	55.995.181.000	55.995.181.000	0
	Tổng mức đầu tư	921.000.000.000	921.000.000.000	0

(Chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư điều chỉnh kèm theo)

2. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019, số 494/QĐ-UBND ngày 29/01/2024, số 2474/QĐ-UBND ngày 16/7/2025, số 1225/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 và số 1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Xây dựng (Chủ đầu tư phần xây dựng), Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (đơn vị quản lý dự án), UBND các xã: Yên Định, Thiệu Tiến, Xuân Lập, Thọ Long và Thọ Ngọc (Chủ đầu tư các Tiểu dự án giải phóng mặt bằng) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

- Sở Xây dựng, Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa, UBND các xã: Yên Định, Thiệu Tiến, Xuân Lập, Thọ Long và Thọ Ngọc chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND các xã: Yên Định, Thiệu Tiến, Xuân Lập, Thọ Long và Thọ Ngọc; Giám đốc Ban QLDA đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án: Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch
UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT phê duyệt tại Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
I	Chi phí bồi thường GPMB	200.227.000.000	200.227.000.000	0
1	Đoạn qua xã Yên Định	200.227.000.000	2.438.584.000	0
2	Đoạn qua xã Thiệu Tiến		24.705.192.000	
3	Đoạn qua xã Xuân Lập		5.942.020.000	
4	Đoạn qua xã Thọ Xuân		28.892.980.000	
5	Đoạn qua xã Thọ Long		51.364.180.000	
6	Đoạn qua xã Thọ Ngọc		86.884.000.000	
II	Chi phí xây dựng	624.174.646.000	624.174.646.000	0
1	Phần đường giao thông	604.064.646.000	604.064.646.000	0
2	Điện chiếu sáng	20.110.000.000	20.110.000.000	0
III	Chi phí quản lý dự án	7.138.288.000	7.138.288.000	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	23.857.681.000	23.857.681.000	0
1	Khảo sát, lập BCNCKT; thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	4.180.668.000	4.180.668.000	0
1.1	Chi phí khảo sát	2.512.702.338	2.512.702.338	0
1.2	Lập Báo cáo NCKT	1.258.923.474	1.258.923.474	0
1.3	Thiết kế cắm cọc GPMB, MLG	9.042.000	9.042.000	0
1.4	Khảo sát lập dự án năm 2011	400.000.000	400.000.000	0
2	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát và giám sát khảo sát bước BCNCKT	170.223.000	170.223.000	0
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC	4.408.936.000	4.408.936.000	0
4	Lập nhiệm vụ, dự toán khảo sát và giám sát khảo sát bước thiết kế BVTC	293.567.000	293.567.000	0
5	Lập thiết kế BVTC	6.020.850.000	6.020.850.000	0
6	Thẩm tra thiết kế BVTC	635.066.000	635.066.000	0
7	Thẩm tra dự toán			
8	Giám sát thi công xây dựng	5.361.143.000	5.361.143.000	0
9	Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây dựng (thi công, bảo hiểm, ĐBGT đường thủy)	105.789.000	105.789.000	0

STT	Hạng mục chi phí	TMDT phê duyệt tại Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	TMDT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
10	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	32.186.000	32.186.000	0
10.1	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn KS, lập BCNCKT	8.075.000	8.075.000	0
10.2	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn KS, thiết kế BVTC	19.200.000	19.200.000	0
10.3	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn thẩm tra TK BVTC và DT	1.107.000	1.107.000	0
10.4	Lập HSMT, đánh giá HSDT kiểm định chất lượng công trình	2.000.000	2.000.000	0
10.5	Lập HSMT, đánh giá HSDT kiểm toán công trình	1.804.000	1.804.000	0
11	Cấm cọc GPMB và MLG	478.569.000	478.569.000	0
12	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	190.090.000	190.090.000	0
13	Thẩm tra an toàn giao thông	146.611.000	146.611.000	0
14	Kiểm định chất lượng công trình	333.074.000	333.074.000	0
15	Giám sát, đánh giá dự án	500.000.000	500.000.000	0
16	Hạng mục điện chiếu sáng bổ sung	1.000.909.000	1.000.909.000	0
16.1	Khảo sát, lập điều chỉnh BCNCKT	56.462.000	56.462.000	0
16.2	Lập nhiệm vụ khảo sát và giám sát khảo sát bước điều chỉnh dự án	1.078.000	1.078.000	0
16.3	Lập thiết kế BVTC và dự toán	277.363.000	277.363.000	0
16.4	Thẩm tra thiết kế BVTC	27.060.000	27.060.000	0
16.5	Thẩm tra dự toán công trình	26.366.000	26.366.000	0
16.6	Giám sát thi công xây lắp	503.554.000	503.554.000	0
16.7	Giám sát lắp đặt thiết bị	18.712.000	18.712.000	0
16.8	Lập, thẩm định HSMT; đánh giá, thẩm định HSDT gói thầu xây lắp	44.130.000	44.130.000	0
16.9	Lập, thẩm định HSMT; đánh giá, thẩm định HSDT gói thầu giám sát	3.944.000	3.944.000	0
16.10	Thẩm định HSMT gói thầu xây lắp	18.620.000	18.620.000	0
16.11	Thẩm định HSMT, HSYC Gói thầu giám sát	2.000.000	2.000.000	0
16.12	Thẩm định KQLCNT xây lắp	18.620.000	18.620.000	0
16.13	Thẩm định KQLCNT giám sát	3.000.000	3.000.000	0

STT	Hạng mục chi phí	TMDT phê duyệt tại Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 21/4/2026	TMDT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
V	Chi phí khác	9.607.204.000	9.607.204.000	0
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	388.415.000	388.415.000	0
1.1	<i>Thẩm tra quyết toán chi phí xây dựng và chi phí khác</i>	<i>286.087.778</i>	<i>286.087.778</i>	<i>0</i>
1.2	<i>Thẩm tra quyết toán chi phí GPMB</i>	<i>102.326.759</i>	<i>102.326.759</i>	<i>0</i>
2	Kiểm toán công trình	1.652.807.000	1.652.807.000	0
2.1	<i>Kiểm toán chi phí xây dựng, chi khác</i>	<i>1.315.081.764</i>	<i>1.315.081.764</i>	<i>0</i>
2.2	<i>Kiểm toán chi phí GPMB</i>	<i>337.725.384</i>	<i>337.725.384</i>	<i>0</i>
3	Thẩm định dự án đầu tư	55.000.000	55.000.000	0
4	Bảo hiểm xây dựng công trình	2.117.747.000	2.117.747.000	0
5	Thẩm định thiết kế BVTC	52.097.000	52.097.000	0
6	Thẩm định dự toán	49.062.000	49.062.000	0
7	Thẩm định HSMT gói thầu xây dựng	50.000.000	50.000.000	0
8	Thẩm định KQLCNT gói thầu thi công xây dựng	50.000.000	50.000.000	0
9	Thẩm định HSMT và KQLCNT các gói thầu tư vấn	21.123.000	21.123.000	0
10	Rà phá bom mìn	1.591.374.000	1.591.374.000	0
10.1	<i>Khảo sát, lập PAKT</i>	<i>43.248.000</i>	<i>43.248.000</i>	<i>0</i>
10.2	<i>Thi công rà phá bom mìn</i>	<i>1.501.952.000</i>	<i>1.501.952.000</i>	<i>0</i>
10.3	<i>Giám sát rà phá bom mìn</i>	<i>46.174.000</i>	<i>46.174.000</i>	<i>0</i>
11	Đảm bảo giao thông đường thủy (cầu sông Chu)	3.123.320.000	3.123.320.000	0
12	Kiểm tra của cơ quan QLNN trong quá trình thực hiện	100.000.000	100.000.000	0
13	Các hạng mục chung điện chiếu sáng bổ sung	356.259.000	356.259.000	0
13.1	<i>Chạy thử điện chiếu sáng trước khi bàn giao</i>	<i>34.584.000</i>	<i>34.584.000</i>	<i>0</i>
13.2	<i>Nghiệm thu đóng điện</i>	<i>233.368.000</i>	<i>233.368.000</i>	<i>0</i>
13.3	<i>Đảm bảo ATGT khi thi công điện chiếu sáng</i>	<i>88.307.000</i>	<i>88.307.000</i>	<i>0</i>
VI	Chi phí dự phòng	55.995.181.000	55.995.181.000	0
TỔNG CỘNG		921.000.000.000	921.000.000.000	0